

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC
HỘI ĐỒNG THI ĐGNL TIẾNG ANH

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ THI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1)

Phòng thi: C1.A105

Môn thi: Kỹ năng đọc

Ca thi: 8h00

Ngày thi: 17/05/2022

TT	SBD	Mã đăng nhập/ Mật khẩu	Họ	Tên	Năm sinh	Ký tên	Ghi chú
1	TA0070	SV6300417	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	3/1/2000		
2	TA0071	SV6300418	Trần Ngọc	Hiệp	19/1/1999		
3	TA0072	SV6300419	Trương Đình	Hiệp	2/7/2000		
4	TA0073	SV6300420	Đỗ Trung	Hiếu	11/11/2000		
5	TA0074	SV6300421	Hoàng Trọng	Hiếu	22/7/1999		
6	TA0075	SV6300422	Nguyễn Quang	Hiếu	10/2/2000		
7	TA0076	SV6300423	Nguyễn Trung	Hiếu	8/8/2000		
8	TA0077	SV6300424	Phạm Trung	Hiếu	16/11/2000		
9	TA0078	SV6300425	Phạm Huy	Hiệu	14/10/1999		
10	TA0079	SV6300426	Bùi Thị	Hoa	1/3/2000		
11	TA0080	SV6300427	Lai Thị Thanh	Hoa	30/3/1999		
12	TA0081	SV6300428	Phạm Yên	Hoa	24/11/2000		
13	TA0082	SV6300429	Trần Thị	Hoa	10/5/1999		
14	TA0083	SV6300430	Nguyễn Thuý	Hoà	13/1/2000		
15	TA0084	SV6300431	Chu Thị Khánh	Hòa	4/7/2000		
16	TA0085	SV6300432	Nguyễn Thị Khánh	Hòa	13/04/2000		
17	TA0086	SV6300433	Trần Đức	Hoàn	30/9/1999		
18	TA0087	SV6300434	Bui Huy	Hoang	22/12/2000		
19	TA0088	SV6300435	Dương Văn	Hoàng	30/12/1999		
20	TA0089	SV6300436	Nguyễn Việt	Hoàng	5/6/1999		
21	TA0090	SV6300437	Nguyễn Việt	Hoàng	27/09/1999		
22	TA0091	SV6300438	Trần Huy	Hoàng	9/9/1999		
23	TA0092	SV6300439	Lê Văn	Hoạt	7/5/1998		
24	TA0093	SV6300440	Đoàn Thu	Hồng	10/2/2000		
25	TA0094	SV6300441	Nguyễn Khắc	Huân	6/2/1999		

26	TA0095	SV6300442	Tran Thi Thu	Hue	17/4/1999		
27	TA0096	SV6300443	Lê Thị Phương	Huệ	5/8/2000		
28	TA0097	SV6300444	Ngô Thị	Huệ	7/10/2000		
29	TA0098	SV6300445	Phạm Văn	Hùng	17/10/2000		
30	TA0099	SV6300446	Bùi Quốc	Hung	11/11/1999		
31	TA0100	SV6300447	Lại Thị	Hung	30/12/2000		
32	TA0101	SV6300448	Trần Ngọc	Hung	12/8/1999		
33	TA0102	SV6300449	Vũ Khải	Hung	3/8/1999		
34	TA0103	SV6300450	Kim Thị Thu	Hương	29/5/2000		
35	TA0104	SV6300451	Nguyễn Thị Minh	Hương	2/10/2000		
36	TA0105	SV6300452	Phùng Thị Lan	Hương	1/6/2000		
37	TA0106	SV6300453	Chu Thị Thu	Hường	2/10/2000		
38	TA0107	SV6300454	Hoàng Thị	Hường	1/9/1999		
39	TA0108	SV6300455	Nguyễn Hữu	Hường	23/05/1999		
40	TA0109	SV6300456	Nguyễn Đình	Huy	21/02/1999		
41	TA0110	SV6300457	Nguyen Van	Huy	26/6/1999		
42	TA0111	SV6300458	Nguyễn Văn	Huy	9/8/1999		
43	TA0112	SV6300459	Phạm Quang	Huy	11/11/1999		
44	TA0113	SV6300460	Bùi Thị Thu	Huyền	15/10/2000		
45	TA0114	SV6300461	Đỗ Thị Khánh	Huyền	13/12/2000		

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi thứ nhất
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ coi thi thứ hai
(ký ghi rõ họ tên)